CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Cấp thoát nước Phú Yên

Ngày 30/09/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-2.7%**	**-2.7%**

DT thuần
Q3/24
37.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.70| 1.8%
YoY: ▲ 1.50| 4.1%

LN thuần
Q3/24
11.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 5.6%
YoY: ▼0.80| -7.0%

LN sau thuế
Q3/24
10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 6.4%
YoY: ▼0.60| -5.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
31.5%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q3/24
8.0%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,533 - 12,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	422
Số lượng CPLH (CP)	38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,925
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	905
P/E	12.1

DT thuần
9T 2024
104
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.20| 7.8%

LN thuần
9T 2024
29.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 10.9%

LN sau thuế
9T 2024
27.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20| 13.1%

Cơ cấu sở hữu

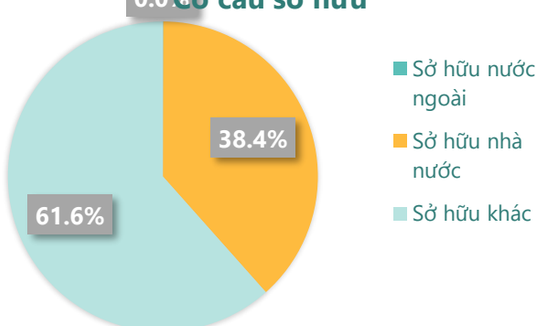

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

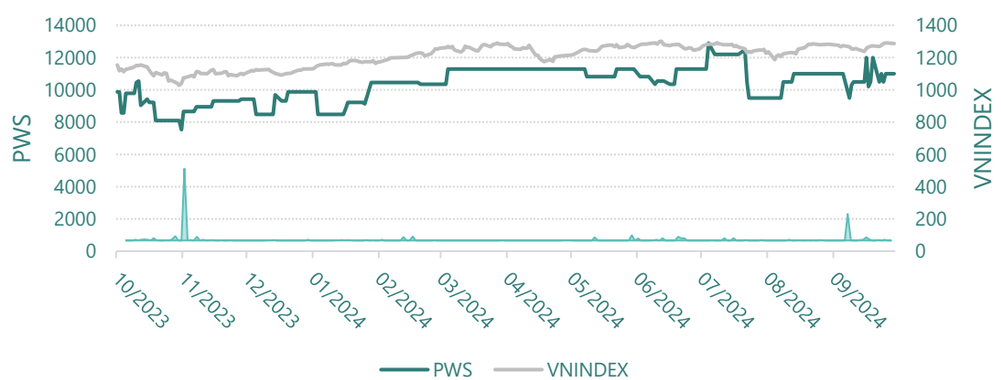

Cơ cấu cổ đông

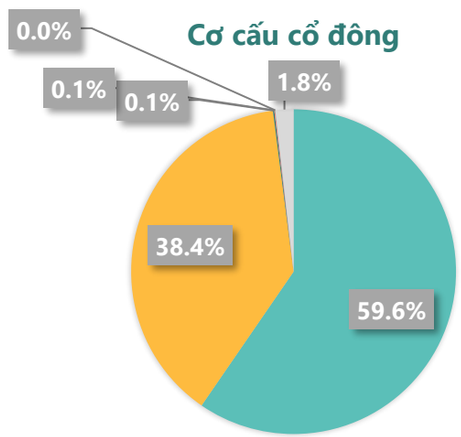

- CTCP Nước Aqua One
- UBND Tỉnh Phú Yên
- Nguyễn Tấn Thuần (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Cấp thoát nước Phú Yên
- Nguyễn Thị Thu (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

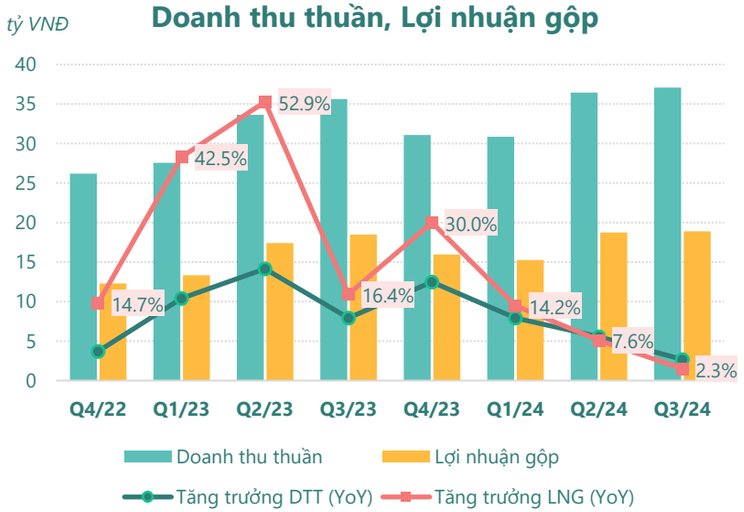

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

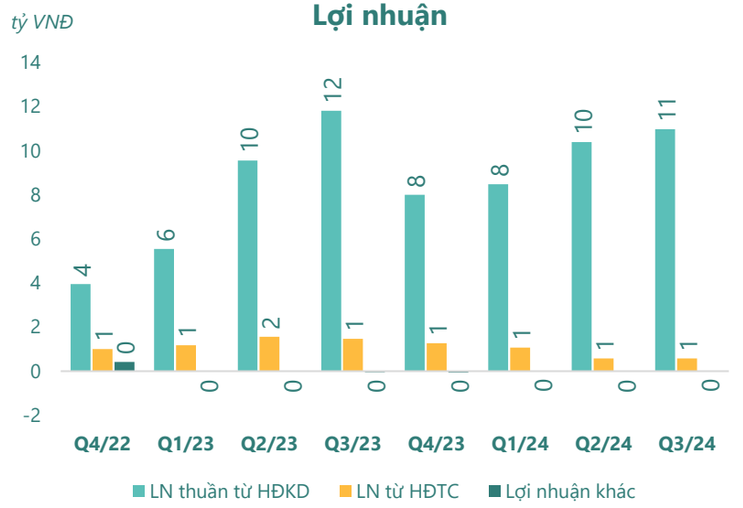

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

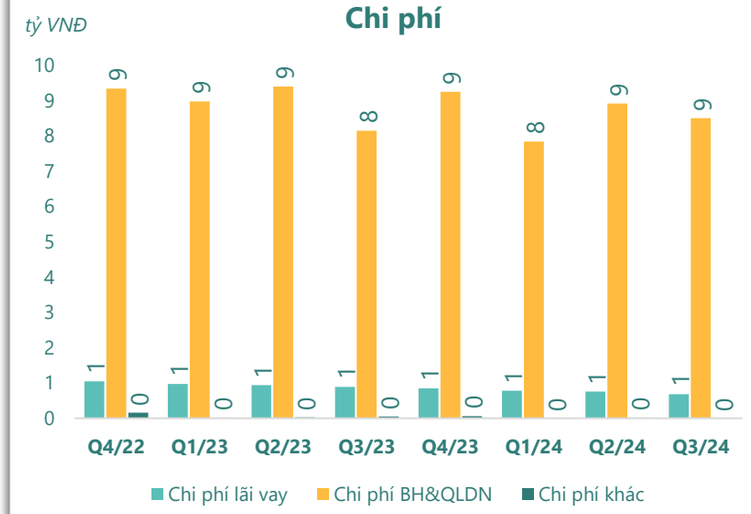

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

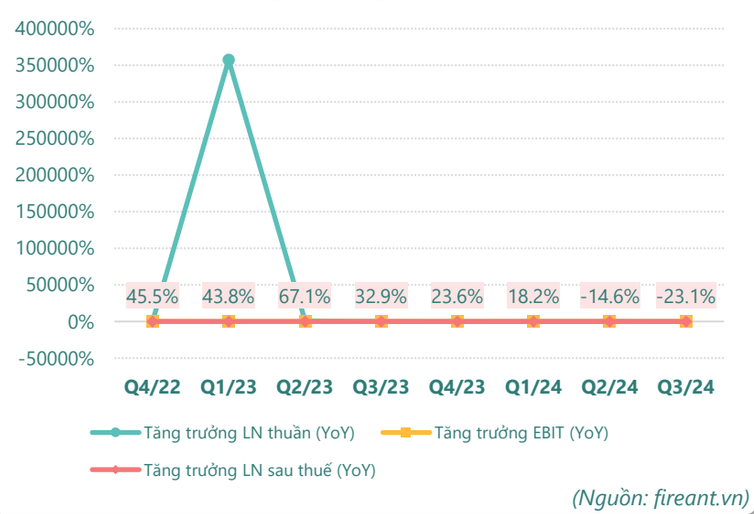

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

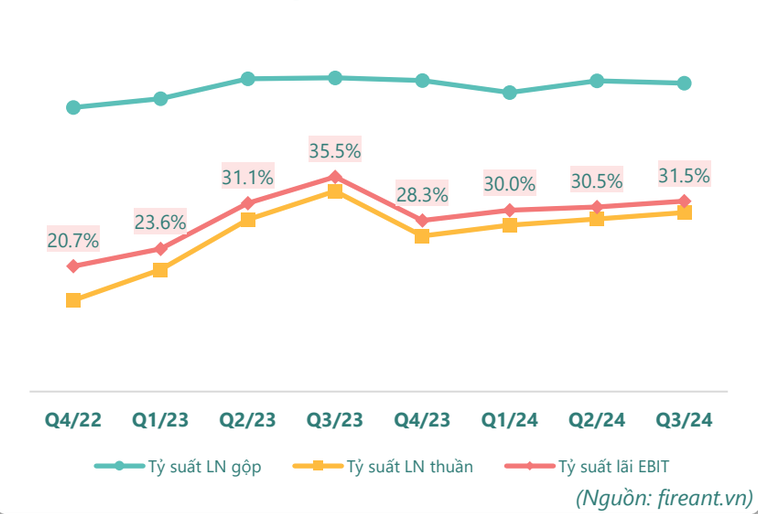

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

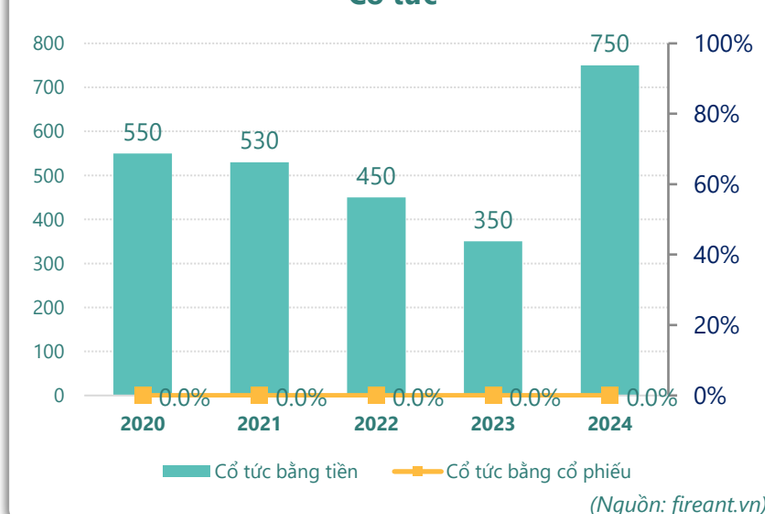

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

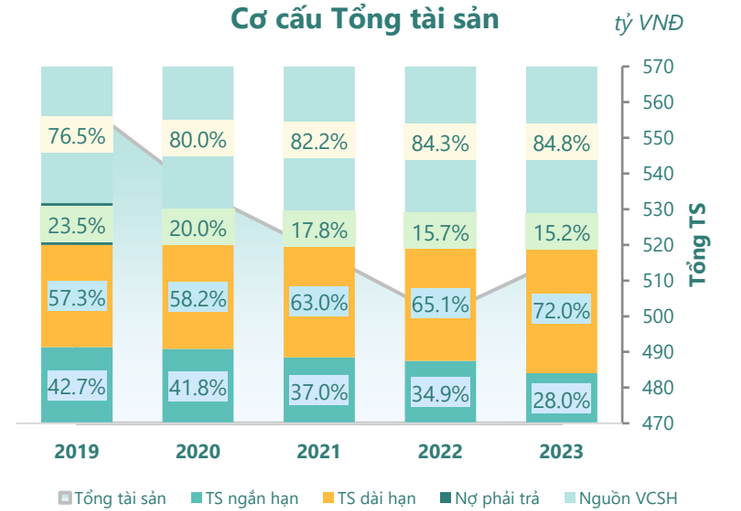

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

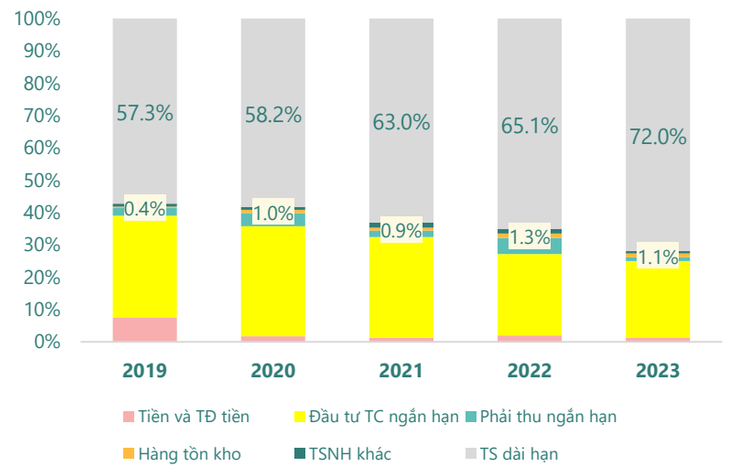

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

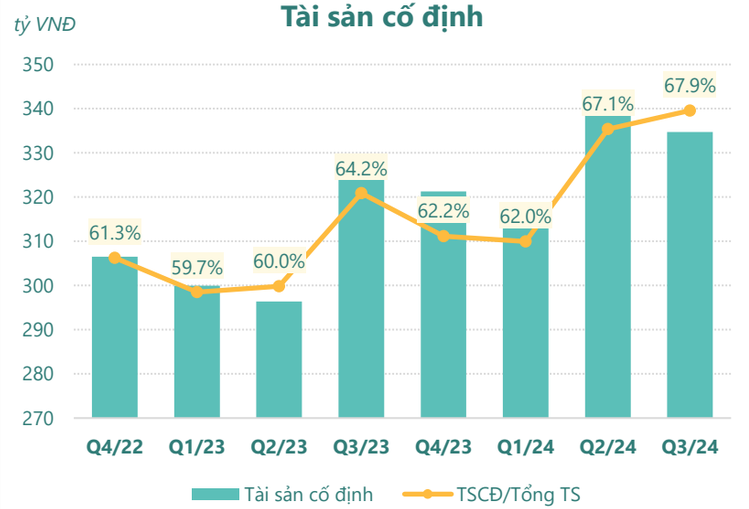

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

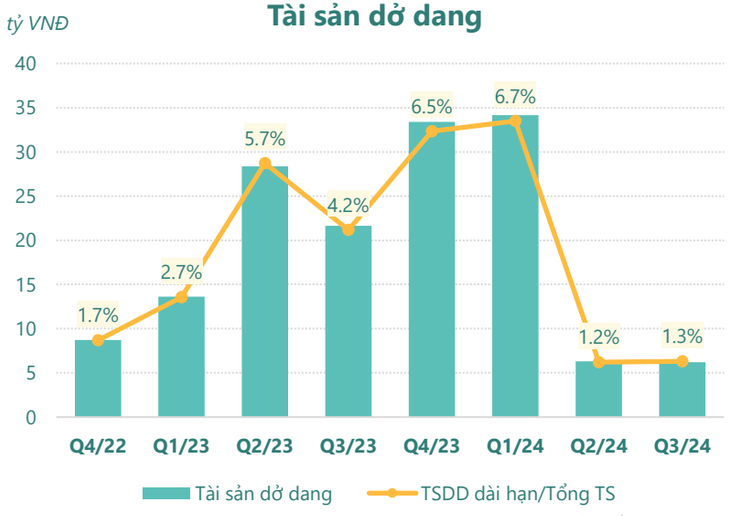

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

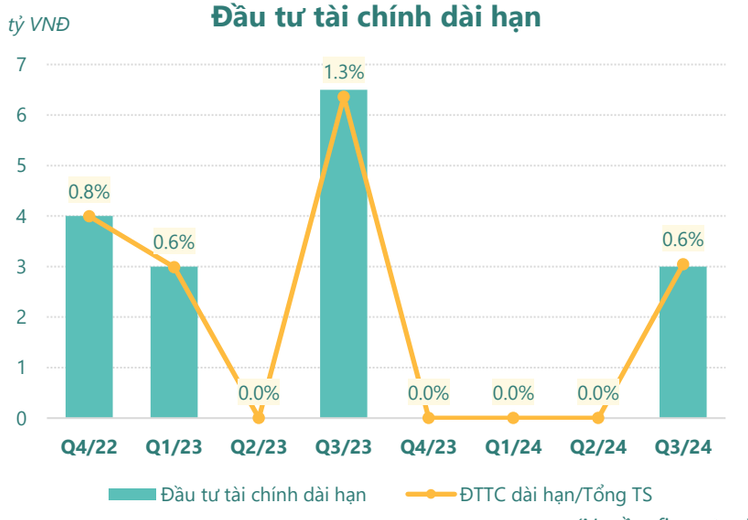

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

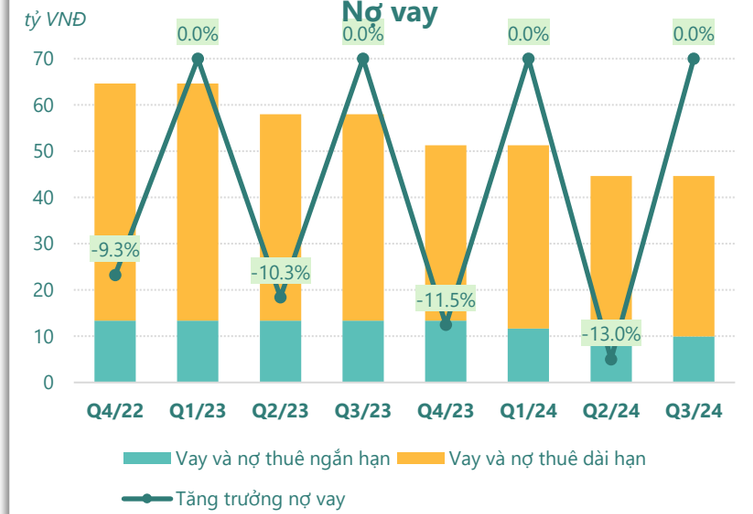

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

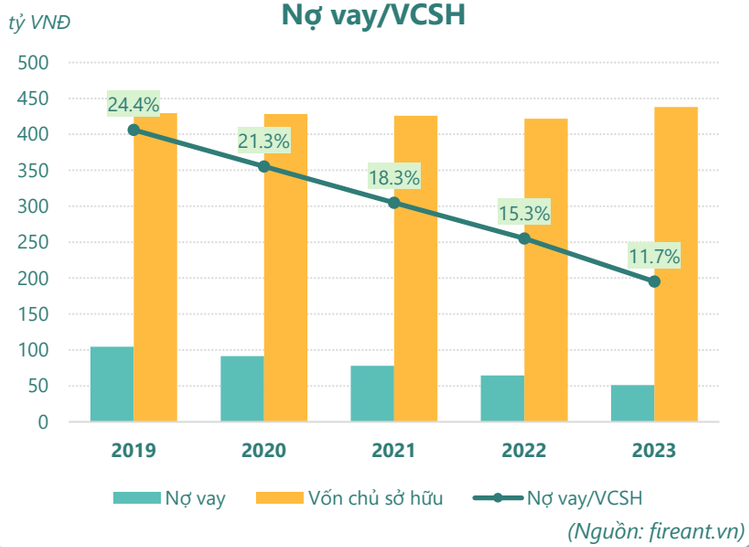

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

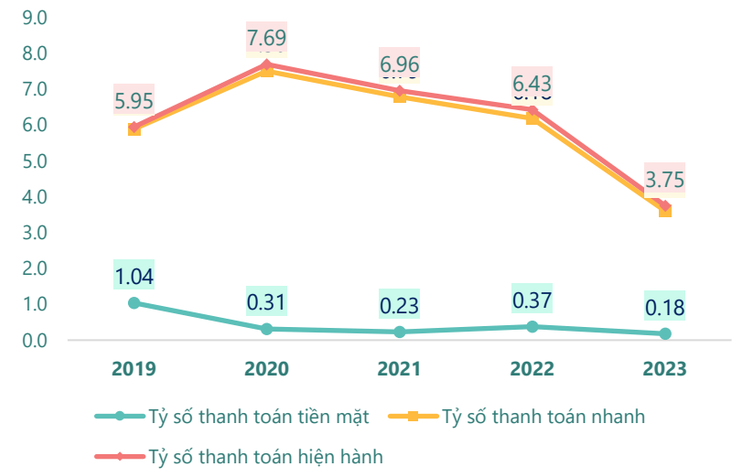

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

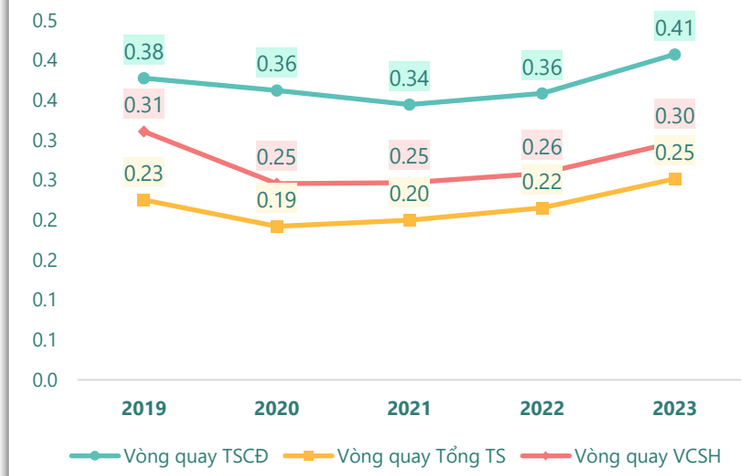

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

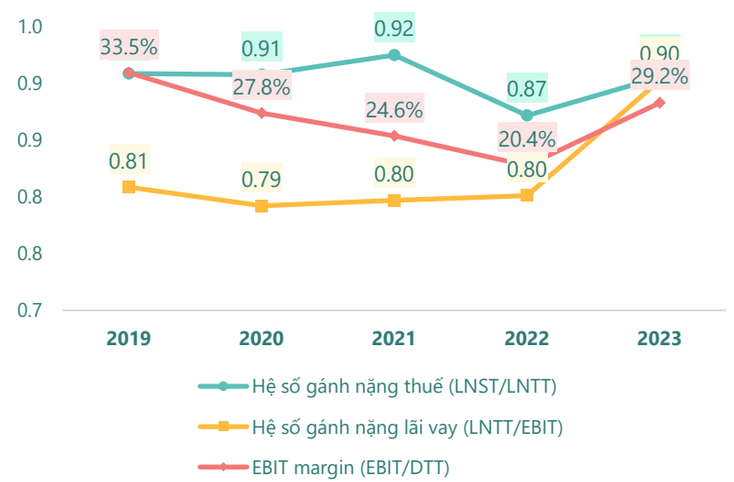

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

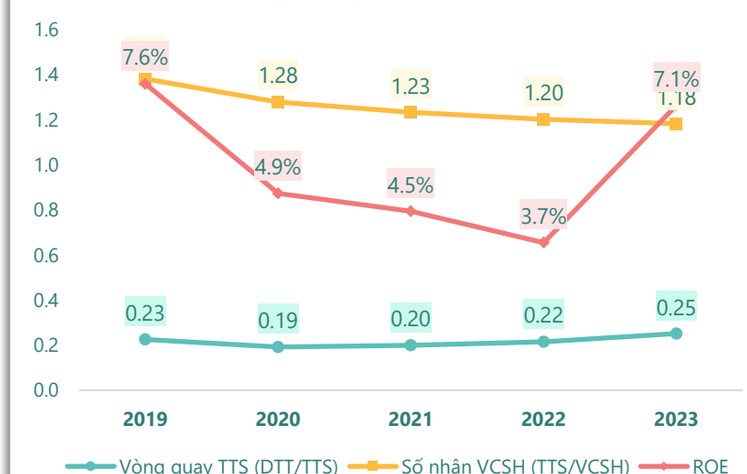

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

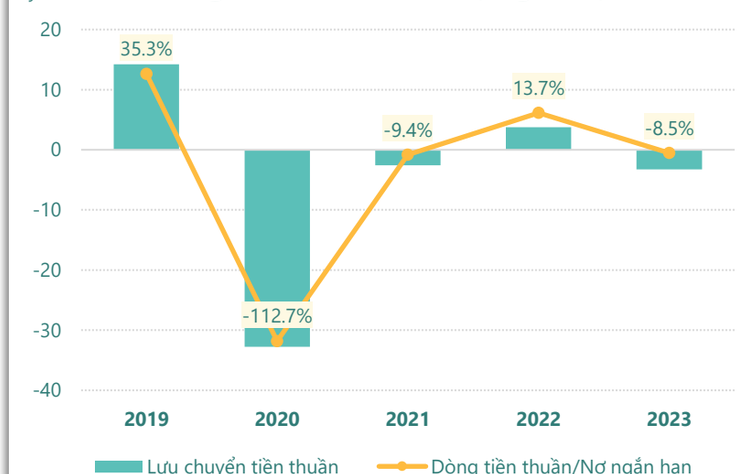

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.1**	**35.6**	**4.1%**	**104**	**96.8**	**7.8%**
Giá vốn hàng bán	18.2	17.2	5.6%	51.5	47.6	8.1%
Lợi nhuận gộp	18.9	18.5	2.2%	52.9	49.2	7.4%
Doanh thu HĐTC	1.26	2.36	-46.5%	4.45	7.01	-36.6%
Chi phí TC	0.68	0.89	-23.1%	2.22	2.80	-20.7%
Chi phí lãi vay	0.68	0.89	-23.1%	2.22	2.80	-20.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.99	4.47	11.6%	13.5	15.3	-11.6%
Chi phí QLDN	**3.52**	**3.68**	**-4.4%**	**11.8**	**11.2**	**4.6%**
LN thuần từ HĐKD	11.0	11.8	-7.0%	29.8	26.9	10.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.05**	**98.5%**	**-0.03**	**-0.08**	**68.4%**
LN trước thuế	11.0	11.8	-7.0%	29.8	26.8	11.1%
Lợi nhuận sau thuế	**10.2**	**10.8**	**-5.4%**	**27.6**	**24.4**	**13.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.2**	**10.8**	**-5.4%**	**27.6**	**24.4**	**13.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.8	19.8	12.9	12.0	12.9	21.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.39	-20.1	-1.91	-15.0	8.46	-6.93
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.0	-0.04	-6.67	0	-6.67	-28.8
Tiền đầu kỳ	4.88	3.01	2.61	6.89	3.87	18.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.87**	**-0.40**	**4.28**	**-3.02**	**14.7**	**-14.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.01	2.61	6.89	3.87	18.6	4.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**493**	**516**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	126	145	-12.9%
Tiền và tương đương tiền	4.56	6.89	-33.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	122	-8.8%
Phải thu ngắn hạn	3.63	6.17	-41.2%
Hàng tồn kho	5.20	5.72	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	3.77	-70.3%
Tài sản dài hạn	**367**	**371**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	0.0%
Tài sản cố định	335	321	4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.22	33.1	-81.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**21.3**	**15.5**	**37.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.5	78.3	-26.6%
Nợ ngắn hạn	**22.8**	**38.6**	**-41.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	11.6	-14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.53	18.6	-91.8%
Nợ dài hạn	34.7	39.7	-12.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.7	39.7	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**435**	**438**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**435**	**438**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	384	384	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)